

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương
Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên- kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 556/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 629/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: nhà trọ bà T2, ấp T1, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 4, ấp T1, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T2 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng mấy tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T2 thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm

chuyện chửi bới, đánh đập bà, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Mặt khác, ông T2 không lo làm ăn, không chịu phụ giúp gia đình. Bà và ông T2 đã sống ly thân được khoảng 5 tháng, bà dọn ra ngoài ở trọ, còn ông T2 thì sống tại nhà cha mẹ ruột. Từ lúc vợ chồng sống ly thân, ông T2 chưa có lần nào tới thăm con, không phụ tiền nuôi con cũng như không lần nào kêu bà T về sống với ông. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với ông T2 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

- Về con chung: bà T và ông T2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/9/2021. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu ông T2 cầu cấp dưỡng. Hiện cháu Sơn đang sống cùng với bà T. Hiện bà T đang làm thuê, thu nhập cũng đủ để nuôi con nên không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do bận công việc và không có điều kiện đi lại nên bà T xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử, bà T cam kết không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn ông Nguyễn Văn T2 nhưng ông T2 không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/9/2021 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Lê Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T2, hiện bà T và ông T2 đang sinh sống tại xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông T2.

[2] Về hôn nhân: bà T và ông T2 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà T nộp đơn xin ly hôn ông T2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời ông T2 tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T2 không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy ông T2 không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác theo lời khai của bà T thì vợ chồng đã tự sống ly thân được khoảng 5 tháng nay, không có lần nào bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc bà T xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

[2] Về con chung: bà T khai có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/9/2021. Tại tòa, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng. Hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, kể từ lúc vợ chồng sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung Hội đồng xét xử xử giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T. Xử cho bà T được ly hôn ông Nguyễn Văn T2.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 28/9/2021 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T2 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T2 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007589 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS,THA huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

